TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2026/HS-ST
Ngày: 18-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Ngọc Trí

2.Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2026/HSST, ngày 07 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thông Diễn, sinh ngày 18/5/2007 tại Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 04/12; con ông Thông S, sinh năm 1970 và bà Thông Thị S1, sinh năm 1974; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 5/12/2024 T có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý bị Công an thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) xử phạt vi phạm hành chính; Ngày 9/12/2024 bị Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma tuý.

- Quá trình nhân thân:

Ngày 16/10/2025 bị Toà án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng (Theo quyết định số 08/2025/QĐ-TA). Bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số C, Công an tỉnh L. Có mặt tại Toà.

Người bị hại:

1/ Bà Triệu Thị L, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2/ Bà Trần Thị L1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :

1/ Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2/ Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 42 phút ngày 28/8/2025 Thông Diễn sau khi sử dụng ma túy và uống rượu đã điều khiển xe mô tô không có biển số, có số máy VZS139FMB402811 lưu thông trên đường Đ hướng xã T đi xã S với tốc độ từ 88,5km/h đến 95,7km/h. Khi đi đến ngã ba giao nhau giữa đường ĐT720 với đường V, thuộc thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng là khu vực đông dân cư, có trường học, có biển cảnh báo dành cho người đi bộ đi qua đường, Thông D đã không giảm tốc độ nên tông vào xe mô tô biển số 86B7-366.46 đi ngược chiều đang bật tín hiệu rẽ trái vào đường V do bà Triệu Thị L điều khiển chở phía sau bà Trần Thị L1 gây tai nạn giao thông. Hậu quả: Bà Triệu Thị L và bà Trần Thị L1 bị đa chấn thương. Hai xe mô tô bị hư hỏng.

Sau sự việc xảy ra, Cơ quan Công an đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tại nạn giao thông và giám định tổn thương cơ thể của người tham gia giao thông có ảnh hưởng từ vụ tai nạn.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ hồi 19 giờ 45 phút, ngày 28/8/2025, tại Km 35+900, đường Đ, thuộc thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng, thể hiện như sau:

"1. Tình trạng hiện trường: Hiện trường đã bị xáo trộn một phần do đưa người bị nạn đi cấp cứu.

2. Mô tả hiện trường chung nơi xảy ra tai nạn:

Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường ngã ba giao nhau giữa đường ĐT720 với đường V thuộc thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường ngã ba giao nhau, được rải nhựa tương đối bằng phẳng, hai bên trống, đường ĐT720 có hai hướng đi chính, một hướng đi xã Đ, một hướng đi xã S, đường V có hai hướng đi chính, một hướng đi vào thôn L, một hướng đi ra đường ĐT720. Chiều rộng mặt đường ĐT720 đo được là 11m90, mặt đường Vạn Hạnh đo được là: 7m00.

3. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: 1. Vết cày, kích thước: 60cmx4cm; 2. Vết cày, kích thước: 90cm x 1,5cm; 3. Vết cày, kích thước: 2m40 x 1,5cm; 4. Khu vực mảnh vỡ: 3m40 x 2m60; 5. Xe mô tô không gắn biển số; 6. Xe mô tô biển số 86B7-366.46.

4. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

Chọn mép đường bên phải và tiếp tuyến giữa đường ĐT720 và đường V làm chuẩn, tiến hành khám nghiệm hiện trường (hướng xã Đ đi xã S).

Chọn trụ điện ký hiệu số 476TL/66 nằm ngoài lề trái theo hướng chuẩn làm điểm mốc.

5. Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng chuẩn xã Đ đi xã S thu được kết quả như sau:

+ Gần tâm tiếp tuyến phát hiện 01 vết cày có kích thước 60cm x 4cm được đánh số (1). Điểm đầu vết cày đo vào tiếp tuyến là 3m20, điểm cuối vết cày (1) đo vào tiếp tuyến là 3m00. Cách điểm cuối vết cày (1) một khoảng 1m70 theo hướng chuẩn hơi chếch vào mép chuẩn là điểm đầu vết cày (2) có kích thước 90cm x 1,5cm được đánh số (2). Điểm đầu vết cày (2) đo vào tiếp tuyến là 2m45, điểm cuối vết cày (2) đo vào mép chuẩn là 2m20.

Tiếp tục khám nghiệm hiện trường theo hướng chuẩn cách điểm đầu vết cày (2) một khoảng 45cm là điểm đầu vết cày (3) có kích thước 2m40 x 1,5cm được đánh số (3). Điểm đầu vết cày (3) đo vào mép chuẩn là 1m90, điểm cuối vết cày (3) đo vào mép chuẩn là 40cm. Cách điểm đầu vết cày (3) một khoảng 60cm là tâm khu vực mảnh vỡ được đánh số (4) có kích thước 3m40 x 2m60. T vùng mảnh vỡ (4) đo vào mép chuẩn là 2m05.

Cách tâm khu vực mảnh vỡ (4) một khoảng 1m90 là trục sau bánh xe mô tô không gắn biển số, có số máy VZS139FMB402811, nằm ngã hoàn toàn sang trái, đầu xe quay về hướng S, đuôi xe quay về hướng Đ được đánh số (5), trục bánh sau xe máy số (5) đo vào mép chuẩn là 40cm, trục bánh trước xe máy số (5) đo vào mép chuẩn là 10cm.

Trục sau xe máy số (5) một khoảng 1m30 là trục sau xe mô tô biển số 86B7-366.46 (6) nằm ngã hoàn toàn sang trái, đầu xe quay vào mép chuẩn, đuôi xe quay sang lề trái theo hướng chuẩn. Trục bánh sau xe mô tô biển số 86B7-366.46 đo vào mép chuẩn là 1m60, trục bánh trước xe mô tô biển số 86B7-366.46 đo vào mép chuẩn là 85cm.

Trục bánh sau xe mô tô biển số 86B7-366.46 đo vào điểm mốc cố định là 28m90, đo vào tâm tiếp tuyến là 9m80.

Biển báo hiệu W224 "Đường người đi bộ cắt ngang" đến trục bánh sau xe mô tô (5) là 83m50. Chiều rộng cổng trường học rộng 7m60, chiều rộng tiếp tuyến đường V và đường ĐT720 là 19m80. T chiều rộng cổng trường học đến tâm tiếp tuyến đường V và đường Đ là 26m20."

* Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ, hồi 20 giờ 55 phút và 20 giờ 45 phút ngày 28/8/2025, tại Km 35+900, đường Đ, thuộc thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng, thể hiện như sau:

- Xe mô tô không gắn biển số, có số máy VZS139FMB402811:"- Cụm đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu trước, đồng hồ báo tốc độ vỡ bung rời; Mặt nạ trước của xe bung rời; Dè chắn bùn bánh xe trước gãy rời; Phuộc bánh xe trước cong vênh hướng về sau xe; Bánh xe trước không còn hơi; N1 bánh xe trước vỡ rời; Đầu bên trái của chân chống giữa chà xước kim loại kích thước 1cm×1cm; Bộ phận giảm thanh gãy rời; Ốp nhựa thân xe bên trái bung rời."

- Xe mô tô biển số 86B7-366.46: "Gương chiếu hậu bên phải vỡ rời; Gương chiếu hậu bên trái vỡ rời; Đầu tay cầm lái bên trái rách cao su kích thước 3cm×2cm; Phuộc trước của xe cong vênh hướng qua trái xe; Phía dưới góc bửng chắn gió bên phải rạn nứt, chà xước kích thước 20cm×7cm; Cần đạp thắng cong vênh, hướng qua trái xe; Đầu bộ phận giảm thanh, phần nối với máy của xe bị chà xước móp méo kích thước 7cm×3cm; Đầu cần đạp số bẻ cong hướng về sau; Gác chân trước bên trái bẻ cong hướng về sau, đầu gác chân chà xước kích thước 3cm×2,5cm."

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 133B/KLTTCT-PYLĐ ngày 13/10/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh L đối với bà Triệu Thị L:

"2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Triệu Thị L tại thời điểm giám định là:

+ Sẹo vùng môi dưới kéo dài đến hàm phải là 3%;

+ Sẹo vết thương trùng vết mổ góc hàm phải là 3%;

+ Sẹo vết thương trùng vết mổ góc hàm trái là 3%;

+ Gãy xương hàm phải là 8%;

+ Gãy xương hàm trái là 8%;

+ Sẹo vết thương - chấn thương 1/3 trên cẳng chân phải là 2%;

+ Gãy 1/3 trên xương mác phải là 3%;

+ Sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt trước cẳng chân phải 2%;

+ Sẹo vết thương 1/3 dưới cẳng chân phải là 3%;

+ Vết mổ cẳng chân phải: Vết 1 ở 1/3 trên là 1%; Vết 2 ở 1/3 trên là 1%; Vết 3 ở 1/3 trên là 1%; Vết 4 ở 1/3 trên là 2%; Vết 5 ở 1/3 giữa là 1%; Vết 6 ở 1 giữa là 1%; Vết 7 ở 1/3 dưới là 1%;

+ Gãy 1/3 dưới 02 xương cẳng chân phải là 20%;

+ Sẹo vết thương phần mềm mặt mu bàn chân phải là 3%.;

+ Sẹo vết thương phần mềm mặt mu ngón V bàn chân phải là 2%;

+ Gãy xương bàn III bàn chân phải là 5%;

+ Gãy xương đốt gần ngón I bàn chân phải là 1%;

+ Hai sẹo vết mổ ngực phải: Vết 1 là 1%; Vết 2 là 1%;

+ Hai vết mổ vùng ngực trái: Vết 1 là 1%; Vết 2 là 1%;

+ Gãy xương đòn phải là 8%;

+ Gãy xương đòn trái là 8%;

+ Tràn dịch màng phổi phải hiện không còn ổ tổn thương là 3%;

+ Tràn dịch màng phổi trái hiện không còn ổ tổn thương là 3%;

+ Vết thương 1/3 ngoài lưỡi hiện không còn dấu vết, do đó không có tỷ lệ tổn thương cơ thể;

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Triệu Thị L, tại thời điểm giám định là 65% (Sáu mươi lăm phân trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

+ Sẹo vùng môi dưới: Do vật tày có cạnh tác động; Chiều hướng tác động từ trước ra sau; Lực tác động nhẹ.

+ Sẹo vùng góc hàm phải và góc hàm trái: Do vật tày có cạnh tác động; Chiều hướng tác động từ trước ra sau; Lực tác động mạnh.

+ Chấn thương vùng ngực: Do vật tày tác động; Chiều hướng tác động từ trước ra sau; Lực tác động mạnh.

+ Sẹo vết thương cẳng chân phải, mặt mu bàn chân phải, mặt mu ngón V bàn chân phải: Do vật tày có cạnh tác động; Chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể; L3 tác động mạnh.

+ Sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt trước cẳng chân phải: Do vật tày có cạnh tác động; Chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể; L3 tác động nhẹ./.

***/**Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 134B/KLTTCT-PYLĐ ngày 13/10/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh L đối với bà Trần Thị Liên kết L4 như sau:

"2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Trần Thị L1 tại thời điểm giám định là:

+ Vỡ xương bánh chè phải, xương không thẳng trục là 03% (ba phần trăm);

+ Đa vết sưng nề thái dương trái, chẩm, ngực hiện không còn dấu vết, do đó không có tỷ lệ tổn thương cơ thể;

+ Đa vết sây sát da bàn tay phải - trái, hiện không còn dấu vết, do đó không có tỷ lệ tổn thương cơ thể;

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Thị L1, tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác: Chấn thương sây sát gối phải: Do vật tày tác động; Chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương; L3 tác động mạnh.

*Tại bản kết luận giám định số 1424/KL-KTHS ngày 28/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận tình trạng an toàn kỹ thuật đối với xe mô tô biển số 86B7-366.46 và xe máy không biển số, có số máy VZS139FMB402811 như sau:

"a. Tại thời điểm giám định xe máy không biển số:

1. Phát hiện hệ thống đèn chiếu sáng trước vỡ;

2. Phát hiện hư hỏng hệ thống phanh bánh trước: Cụm phanh bánh trước gãy, mất hiệu lực phanh.

Hệ thống phanh bánh sau lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng.

Không đủ điều kiện thực nghiệm để xác định hiệu lực của hệ thống phanh.

3. Phát hiện hư hỏng hệ thống lái gãy, giảm chấn bánh trước gãy, mất hiệu lực lái.

b. Tại thời điểm giám định xe mô tô biển số 86B7-366.46:

1. Hệ thống đèn chiếu sáng trước lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng

2. Hệ thống phanh bánh trước và bánh sau lắp đặt đầy đủ, không phát hiện hư hỏng, còn hiệu lực.

3. Phát hiện hư hỏng hệ thống lái cong, giảm chấn bánh trước cong, mất hiệu lực lái.”

*Tại Bản kết luận giám định số 1423/KL-KTHS ngày 01/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh L về chiều hướng lưu thông, vị trí va chạm trên đường bộ và điểm chạm đối với xe mô tô 86B7-366.46 và xe máy không biển số, có số máy VZS139FMB402811:

“1. Dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 86B7-366.46 và xe máy không biển số:

Dấu vết va chạm trên xe mô tô biển số 86B7-366.46: cong vênh kim loại, trượt, hằn, bám dính chất màu đen mặt ngoài cần đạp phanh, chiều từ phải qua trái; móp lún kim loại, trượt hằn, bám dính chất màu đen mặt ngoài đầu ống giảm thanh, chiều từ phải qua trái; nứt, vỡ nhựa, trượt xước, bám dính chất màu đen mặt ngoài bửng chắn gió bên phải, chiều từ phải qua trái; trượt, hằn, móp lún kim loại ốp lốc máy bên phải, chiều từ phải qua trái phù hợp với dấu vết va chạm trên xe máy không biển số: trượt, hằn, mất bụi cao su lốp bánh xe trước, chiều từ ngoài vào tâm trục; trượt xước, rách cao su mặt lăn lốp bánh xe trước, chiều ngược chiều quay tiến bánh xe; bung rời lốp bánh xe trước khỏi vị trí ban đầu; gãy, vỡ nhựa hoàn toàn vè chắn bùn bánh xe trước; cong vênh hai giảm xóc trước, chiều từ trước ra sau; gãy, vỡ, rời khỏi vị trí ban đầu vành bánh xe trước.

2. Căn cứ vào các dấu vết, vật chứng để lại trong hồ sơ vụ tai nạn giao thông gửi giám định, thì vị trí xảy ra va chạm giữa xe mô tô biển số 86B7-366.46 và xe máy không biển số ở phần đường bên phải, đường ĐT720, theo hướng xã Đ đi xã S, tỉnh Lâm Đồng.

3. Căn cứ hồ sơ vụ tai nạn gửi giám định, khi xảy ra tai nạn, xe máy không biển số chuyển động trên đường ĐT720, theo hướng xã Đ đi xã S, tỉnh Lâm Đồng; xe mô tô biển số 86B7-366.46 chuyển động trên đường ĐT720, theo hướng xã S đi xã Đ, chuyển hướng qua trái hướng vào đường V.”

* Ngày 12/12/2025, Phòng K Công an tỉnh L ra Bản kết luận giám định số: 1422/KL-KTHS kết luận về giám định tốc độ đối với xe máy không biển số, có số máy VZS139FMB402811như sau:

“- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong tệp tin video cần giám định (Ký hiệu A).

- Tốc độ di chuyển của xe máy xuất hiện trong video trước thời điểm xảy ra va chạm trong khoảng từ 88,5 km/h đến 95,7 km/h.”

* Kết quả xét nghiệm máu ngày 28/8/2025 của Trung tâm y tế khu vực T đối với Thông Diễn: Định lượng Ethanol trong máu: 31.6 mg/dL; Dương tính Methamphetatamin.

* Kết quả Phiếu đo nồng độ cồn của Trạm Cảnh sát giao thông Hàm Tân ngày 28/8/2025 đối với Thông Diễn: Nồng độ cồn trong hơi thở là 0,171 ml/L.

Tại bản cáo trạng số 20/CT – VKSND – KV16 ngày 03 tháng 4 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Thông D về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b khoản 2 điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Thông D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thông D phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Đề nghị xem xét áp dụng điểm b khoản 2 điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017xử phạt bị cáo Thông D với mức án từ 03 (ba năm) đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Thông D phải bồi thường cho bà Triệu Thị L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ một một số mảnh vỡ thu được trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện đang được bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng.

Bị cáo Thông D không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, trên cơ sở lời khai của bị cáo Thông D, lời khai của những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ, đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 18 giờ 42 phút ngày 28/8/2026, sau khi uống rượu và sử dụng ma tuý (M) Thông Diễn đã điều khiển xe máy không gắn biển số, có số máy VZS139FMB402811(có dung tích xi lanh 49cm3) lưu thông trên đường Đ thuộc thôn L, xã T theo hướng từ xã T đi S. Thông Diễn điều khiển xe máy không đèn chiếu sáng, chạy với tốc độ từ 88,5 km/h đến 95,7km/h. Khi đến ngã ba giao nhau giữa đường Đ với đường V, là khu vực đông dân cư, có trường học, có biển cảnh báo dành cho người đi bộ qua đường T đã không giảm tốc độ nên tông vào xe mô tô biển số 86B7-366.46 đi ngược chiều đang phát tín hiệu xi nhan rẽ vào đường V do bà Triệu Thị L điều khiển chở phía sau bà Trần Thị L1. Hậu quả xảy ra: Bà Triệu Thị L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 65%, bà Trần Thị L1 bị thương tích với tỷ lệ 03%.

Hành vi của bị cáo Thông D đã vi phạm các điều cấm của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Cụ thể: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc trong hơi thở có nồng độ cồn; Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma tuý hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đồng thời trong khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông bị cáo không chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe. Cụ thể, khi đến khu vực có biển báo trường học và ngã ba, phía trước đang có phương tiện phát tín hiệu qua đường nhưng bị cáo vẫn không điều chỉnh giảm tốc độ phương tiện mà vẫn duy trì tốc độ cao (88,5km/h đến 95,7km/h) là vi phạm quy định tại khoản 1, điểm b, e khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Như vậy, bị cáo Thông D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi tham gia giao thông đường bộ vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thương tích cho bà Triệu Thị L 65%, gây thương tích cho bà Trần Thị L1 3% là vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo điều khiển xe máy trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng ma tuý hoặc chất kích thích mạnh khác là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn giao thông tại địa phương; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ của những người bị hại, thiệt hại về tài sản của công dân. Bên cạnh đó, bị cáo đang là đối tượng nghiện ma tuý, đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma tuý số 3, Công an tỉnh L. Do đó cần xét xử bị cáo thật nghiêm minh theo quy định của pháp luật hình sự, áp dụng đối với bị cáo Thông D hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện ma tuý.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Do đó khi quyết định hình phạt cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương ứng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:

4.1. Người bị hại bà Triệu Thị L yêu cầu bị cáo Thông D phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) bao gồm các khoản chi phí thuốc men trong quá trình điều trị vết thương; chi phí thuê phương tiện đi lại phục vụ cho việc cấp cứu, khám, điều trị vết thương; chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khoẻ; tiền công cho người nuôi bệnh; Thu nhập thực tế bị mất của bà L trong thời gian điều trị vết thương, tổn thất về tinh thần do bị tai nạn gây ra.

Tại phiên toà, bị cáo Thông D đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Triệu Thị L với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi bị tai nạn, bà Triệu Thị L đã phải bỏ ra các khoản chi phí rất lớn để điều trị vết thương, phục hồi sức khoẻ; trong thời gian phải điều trị vết thương còn phát sinh nhiều khoản thiệt hại khác như mất nguồn thu nhập của bản thân, thu nhập của người chăm sóc bà L trong thời gian điều trị; tổn hại đến sức khoẻ và tinh thần của bà L. Tuy nhiên, tại phiên toà bà L chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 đồng; bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này cho người bị hại. Sự thoả thuận về số tiền bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người bị hại là tự nguyện, vì vậy, cần công nhận sự thoả thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên toà về việc bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đó cần ghi nhận: Bị cáo Thông D phải bồi thường thiệt hại về sức khoẻ cho bà Triệu Thị L số tiền 100.000.000 đồng.

4.2. Người bị hại Trần Thị L1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét đến trong bản án.

4.3. Đối với thiệt hại về tài sản: Chiếc xe mô tô mô tô biển số 86B7-366.46 của bà Triệu Thị L bị hư hỏng do tai nạn giao thông gây ra. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4.4. Đối với thiệt hại về chiếc xe máy không gắn biển số, có số máy VZS139FMB402811(có dung tích xi lanh 49cm3) bị hư hỏng do tai nạn, hiện đang được chuyển đến Công an xã T để xác minh làm rõ đối tượng lấy trộm xe. Chủ sở hữu hợp pháp ông Bùi Văn L2 và bà Phạm Thị Yến N không yêu cầu giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét đến trong vụ án.

[5] Về vật chứng:

Đối với vật chứng xe mô tô biển số 86B7-366.46 chủ sở hữu hợp pháp là bà Triệu Thị L: Ngày 14/3/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số C2979/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại chủ sở hữu hợp pháp – bà L nên Hội đồng xét xử không xét đến trong bản án.

Đối với xe máy có số máy VZS139FMB402811: Qua xác minh xe máy này có biển số 86AK-010.66, đứng tên Võ Thị L5, sinh năm 1973, trú tại thôn L, xã T. Bà L5 đã bán xe trên cho người khác, hiện nay chủ sở hữu hợp pháp là Bùi Văn L2, sinh năm 1980, trú tại thôn L, xã T và bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã T. Chiếc xe này đã bị mất trộm vào ngày 23/8/2025 và chưa xác minh được đối tượng lấy trộm xe. Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển tang vật chiếc xe máy biển số 86AK-010.66 cho Công an xã T để tiếp tục xác minh là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý vật chứng là chiếc xe máy này trong vụ án.

Đối với vật chứng là một số mảnh vỡ thu được trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện đang được bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng. Xét thấy các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

6/ *Về án phí:* Cần buộc bị cáo Thông D phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh:

Căn cứ vào Điều 260 BLHS năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025):

Tuyên bố: Bị cáo Thông Diễn phạm tội " Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2.Về hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Thông D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam để Thi hành án.

3.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo và người bị hại như sau: Bị cáo Thông Diễn phải bồi thường thiệt hại về sức khoẻ cho bà triệu Thị L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi

hành án có yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận; trường hợp hai bên không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ một số mảnh vỡ thu được trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện đang được bảo quản tại Phòng thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng thi hành án Dân sự khu vực 16).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Thông D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo. Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2026); người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND kv 16- Lâm Đồng;
- CQ.CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phân trại tạm giam số 8 – Trại tạm giam số 3;
- UBND xã Tánh Linh;
- PV 06 – Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận